

DANH SÁCH HỌC VIÊN, SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA
KỶ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG B1 (ĐỢT 4 NĂM 2022)

(Kèm theo Thông báo số 59/TB-KTBĐCL ngày 07/10/2022 của Phòng Khảo thí và ĐDCL)

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | Điểm kỹ năng | | | Tổng | Thang điểm 10 | Ghi chú |
|----|-------------|-----------------------|------------|--------------|------|------|------|---------------|---------|
| | | | | Nghe+Đọc | Viết | Nói | | | |
| 1 | 1805LHOA001 | Nguyễn Trường An | 07/03/2000 | 31,0 | 3,0 | 20,0 | 54,0 | 5,4 | Đạt |
| 2 | 1705QTVA001 | Dương Đức Anh | 20/09/1999 | 23,0 | 18,0 | 19,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 3 | 1705QLVA004 | Lê Tuấn Anh | 16/12/1998 | 26,0 | 4,0 | 20,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 4 | 1805LHOC003 | Nguyễn Đức Mai Anh | 23/04/2000 | 41,0 | 7,0 | 9,0 | 57,0 | 5,7 | Đạt |
| 5 | 1805HTTB004 | Trịnh Tuấn Anh | 23/04/2000 | 34,0 | 5,0 | 15,0 | 54,0 | 5,4 | Đạt |
| 6 | 1805QLNB001 | Nguyễn Tuấn Anh | 04/10/2000 | 43,0 | 11,0 | 18,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 7 | 1805QLVA004 | Nguyễn Lan Anh | 13/02/2000 | 40,0 | 9,0 | 16,0 | 65,0 | 6,5 | Đạt |
| 8 | 1805QLVA006 | Nguyễn Tuấn Anh | 30/06/2000 | 39,0 | 18,0 | 20,0 | 77,0 | 7,7 | Đạt |
| 9 | 1805LHOB002 | Dương Thị Hà Anh | 03/06/2000 | 31,0 | 22,0 | 15,0 | 68,0 | 6,8 | Đạt |
| 10 | 1805LHOB004 | Lê Thị Kim Anh | 12/03/2000 | 45,0 | 17,0 | 18,0 | 80,0 | 8,0 | Đạt |
| 11 | 1805QTVA001 | Bùi Thị Lan Anh | 09/04/2000 | 34,0 | 9,0 | 17,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 12 | 1805QLVA007 | Vương Thị Kim Anh | 12/07/2000 | 37,0 | 3,0 | 15,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 13 | 1805LHOC005 | Bùi Thị Ánh | 01/11/2000 | 40,0 | 3,0 | 20,0 | 63,0 | 6,3 | Đạt |
| 14 | 1902QLCA001 | Đặng Thị Nguyệt Ánh | 27/02/1996 | 36,0 | 12,0 | 8,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 15 | 1805QTVB005 | Chu Văn Chính | 26/06/2000 | 32,0 | 8,0 | 10,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 16 | 1805LHOC009 | Nguyễn Huy Chính | 16/11/1999 | 30,0 | 17,0 | 8,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 17 | 1805QTVA006 | Lăng Văn Chung | 09/11/2000 | 43,0 | 6,0 | 13,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 18 | 1805QLNA006 | Tòng Văn Cường | 25/09/1999 | 29,0 | 11,0 | 16,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 19 | 1805QLNB009 | Lò Thị Bích Đào | 20/05/2000 | 36,0 | 15,0 | 21,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 20 | 1905QTVA012 | Hoàng Đức Đạt | 16/02/2001 | 30,0 | 10,0 | 22,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 21 | 1705LTHA016 | Đỗ Đức Đạt | 04/01/1999 | 26,0 | 11,0 | 20,0 | 57,0 | 5,7 | Đạt |
| 22 | 1805XDDA010 | Bùi Tuấn Đạt | 28/06/2000 | 40,0 | 10,0 | 17,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 23 | 1805XDDA006 | Vàng A Di | 18/04/1999 | 43,0 | 9,0 | 11,0 | 63,0 | 6,3 | Đạt |
| 24 | 1805LTHB008 | Trần Anh Đạo Diễm | 30/11/1999 | 42,0 | 11,0 | 20,0 | 73,0 | 7,3 | Đạt |
| 25 | 1805QTNA010 | Ma Thị Diệp | 23/04/2000 | 41,0 | 5,0 | 10,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 26 | 1905QTVA013 | Đoàn Đức Định | 12/07/2001 | 36,0 | 10,0 | 18,0 | 64,0 | 6,4 | Đạt |
| 27 | 1805XDDA013 | Dương Văn Đông | 23/06/1998 | 42,0 | 20,0 | 5,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 28 | 1805QTCA003 | Trần Minh Đức | 27/10/1999 | 20,0 | 15,0 | 15,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 29 | 1805XDDA014 | Nguyễn Hữu Minh Đức | 18/11/1996 | 26,0 | 10,0 | 20,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 30 | 1905QTVA009 | Đào Ngọc Phương Dung | 07/08/2001 | 40,0 | 17,0 | 15,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 31 | 1805QTNA011 | Nguyễn Đình Dũng | 24/08/2000 | 25,0 | 12,0 | 14,0 | 51,0 | 5,1 | Đạt |
| 32 | 1805LHOA010 | Lưu Nguyễn Trung Dũng | 29/11/2000 | 37,0 | 13,0 | 5,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 33 | 1805LHOB011 | Vũ Nguyễn Việt Dũng | 03/10/2000 | 50,0 | 20,0 | 20,0 | 90,0 | 9,0 | Đạt |
| 34 | 1805QTNB017 | Lê Thị Ánh Dương | 02/08/2000 | 27,0 | 12,0 | 13,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 35 | 1805TTVA006 | Đào Phương Duy | 06/11/2000 | 26,0 | 9,0 | 16,0 | 51,0 | 5,1 | Đạt |

| TT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm kỹ năng | | | Tổng | Thang điểm 10 | Ghi chú |
|----|-------------|-----------------|-------|------------|--------------|------|------|------|---------------|---------|
| | | | | | Nghe+Đọc | Viết | Nói | | | |
| 36 | 1805QTVB008 | Triệu Thị | Ghén | 16/09/2000 | 36,0 | 13,0 | 6,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 37 | 1805TTVA008 | Hồ Thị Mai | Giang | 24/08/2000 | 45,0 | 18,0 | 9,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 38 | 1805QLNA011 | Lương Văn | Giáp | 02/09/2000 | 41,0 | 20,0 | 8,0 | 69,0 | 6,9 | Đạt |
| 39 | 1805QTNC020 | Lưu Hải | Hà | 01/09/2000 | 37,0 | 14,0 | 16,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 40 | 1805VTTA008 | Trần Thị Thu | Hà | 13/04/2000 | 50,0 | 8,0 | 10,0 | 68,0 | 6,8 | Đạt |
| 41 | 1805LHOB022 | Hoàng Minh | Hải | 11/10/2000 | 38,0 | 17,0 | 10,0 | 65,0 | 6,5 | Đạt |
| 42 | 1805VDLA013 | Trần Thị Thu | Hằng | 25/01/2000 | 40,0 | 23,0 | 20,0 | 83,0 | 8,3 | Đạt |
| 43 | 1805QTVB014 | Phạm Thị | Hằng | 28/08/2000 | 36,0 | 13,0 | 4,0 | 53,0 | 5,3 | Đạt |
| 44 | 1805LHOC020 | Đình Hồng | Hạnh | 26/09/2000 | 45,0 | 14,0 | 10,0 | 69,0 | 6,9 | Đạt |
| 45 | 1805QTVC013 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh | 05/10/2000 | 45,0 | 8,0 | 9,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 46 | 1805LHOA023 | Nguyễn Thị Mỹ | Hạnh | 28/01/2000 | 43,0 | 10,0 | 8,0 | 61,0 | 6,1 | Đạt |
| 47 | 1705LTHB024 | Nguyễn Công | Hậu | 29/06/1999 | 46,0 | 15,0 | 7,0 | 68,0 | 6,8 | Đạt |
| 48 | 1805QTNC024 | Ngô Thị Ngọc | Hiền | 01/11/2000 | 36,0 | 9,0 | 8,0 | 53,0 | 5,3 | Đạt |
| 49 | 1805QLNA014 | Xa Mạnh | Hiền | 18/10/2000 | 34,0 | 13,0 | 7,0 | 54,0 | 5,4 | Đạt |
| 50 | 1805QLVA022 | Nguyễn Thị | Hiền | 03/06/2000 | 36,0 | 9,0 | 12,0 | 57,0 | 5,7 | Đạt |
| 51 | 1805QTVB018 | Ngô Thị | Hiền | 15/05/2000 | 29,0 | 20,0 | 10,0 | 59,0 | 5,9 | Đạt |
| 52 | 1805HTTB019 | Phùng Công | Hiếu | 18/11/2000 | 32,0 | 18,0 | 17,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 53 | 1805CTHA014 | Đào Ngọc | Hiếu | 13/10/2000 | 20,0 | 12,0 | 20,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 54 | 1805LHOA030 | Nguyễn Thị | Hoa | 05/11/2000 | 29,0 | 9,0 | 12,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 55 | 1805QTVB022 | Lý Mùi | Hỏi | 17/10/1999 | 40,0 | 11,0 | 16,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 56 | 1705QTVB019 | Lê Thị | Hồng | 26/09/1998 | 33,0 | 4,0 | 13,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 57 | 1805QLNB020 | Phùng Hoàng | Huân | 15/05/1998 | 41,0 | 20,0 | 10,0 | 71,0 | 7,1 | Đạt |
| 58 | 1805QTVB023 | Nguyễn Thị | Huệ | 20/01/2000 | 32,0 | 7,0 | 22,0 | 61,0 | 6,1 | Đạt |
| 59 | 1805LHOB030 | Nguyễn Văn | Hùng | 04/07/2000 | 36,0 | 9,0 | 13,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 60 | 1805QTNC036 | Ngô Thị Diễm | Hương | 18/11/2000 | 40,0 | 7,0 | 8,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 61 | 1805TTVA016 | Ty Thị Mai | Hương | 01/01/2000 | 43,0 | 3,0 | 13,0 | 59,0 | 5,9 | Đạt |
| 62 | 1805LHOC033 | Đào Thị Thu | Hương | 24/01/2000 | 35,0 | 6,0 | 15,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 63 | 1805QTVB024 | Phan Thu | Hương | 05/11/2000 | 42,0 | 18,0 | 20,0 | 80,0 | 8,0 | Đạt |
| 64 | 1805VDLA020 | Nguyễn Thị Hiền | Hương | 23/04/2000 | 40,0 | 9,0 | 9,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 65 | 1805QLVA030 | Đình Mai | Hương | 26/11/1999 | 47,0 | 15,0 | 10,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 66 | 1805QLNB023 | Quàng Thu | Hương | 06/07/2000 | 44,0 | 3,0 | 10,0 | 57,0 | 5,7 | Đạt |
| 67 | 1805QLVA031 | Ngô Thị Thu | Hương | 26/09/2000 | 43,0 | 19,0 | 13,0 | 75,0 | 7,5 | Đạt |
| 68 | 1805QLVB028 | Tạ Thị Lan | Hương | 27/01/2000 | 30,0 | 8,0 | 15,0 | 53,0 | 5,3 | Đạt |
| 69 | 1805QKTA005 | Trần Thị | Hường | 28/10/2000 | 31,0 | 17,0 | 20,0 | 68,0 | 6,8 | Đạt |
| 70 | 1705LTHB032 | Dương Ngọc | Huy | 19/12/1999 | 43,0 | 18,0 | 18,0 | 79,0 | 7,9 | Đạt |
| 71 | 1805VDLA019 | Phạm Thị Thu | Huyền | 03/09/2000 | 48,0 | 20,0 | 23,0 | 91,0 | 9,1 | Đạt |
| 72 | 1805LHOB034 | Trần Thị | Huyền | 16/07/2000 | 42,0 | 19,0 | 10,0 | 71,0 | 7,1 | Đạt |
| 73 | 1805CSCA007 | Đào Thu | Huyền | 16/10/1998 | 32,0 | 20,0 | 20,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 74 | 1805VTTA011 | Phạm Thị Khánh | Huyền | 26/11/2000 | 41,0 | 18,0 | 15,0 | 74,0 | 7,4 | Đạt |
| 75 | 2002CSCA010 | Lê Thu | Huyền | 23/10/1998 | 42,0 | 20,0 | 13,0 | 75,0 | 7,5 | Đạt |
| 76 | 1805QTVB021 | Lèng Thị | Huyền | 03/09/2000 | 43,0 | 15,0 | 13,0 | 71,0 | 7,1 | Đạt |

| TT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm kỹ năng | | | Tổng | Thang điểm 10 | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------|-------|------------|--------------|------|------|------|---------------|---------|
| | | | | | Nghe+Đọc | Viết | Nói | | | |
| 77 | 1805LTHA022 | Nguyễn Thị | Huyền | 19/04/2000 | 48,0 | 18,0 | 20,0 | 86,0 | 8,6 | Đạt |
| 78 | 1805LTHB021 | Lâm Thanh | Huyền | 16/11/2000 | 25,0 | 22,0 | 13,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 79 | 1805XDDA020 | Hoàng Trung | Khái | 30/05/1998 | 43,0 | 11,0 | 18,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 80 | 1805LHOB037 | Trịnh Quang | Khái | 06/11/2000 | 24,0 | 15,0 | 18,0 | 57,0 | 5,7 | Đạt |
| 81 | 1805QTVB025 | Hoàng Nhật | Khánh | 08/12/2000 | 37,0 | 12,0 | 20,0 | 69,0 | 6,9 | Đạt |
| 82 | 1705LHOC025 | Tòng Minh | Khánh | 27/06/1998 | 29,0 | 7,0 | 20,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 83 | 1705LTHB039 | Nguyễn Thế | Khoát | 14/09/1999 | 35,0 | 4,0 | 13,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 84 | 1805LHOC036 | Hoàng Trung | Kiên | 09/10/1999 | 32,0 | 13,0 | 13,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 85 | 1805VTTA014 | Nguyễn Hoàng | Lam | 11/01/2000 | 33,0 | 14,0 | 10,0 | 57,0 | 5,7 | Đạt |
| 86 | 1805QTVC029 | Lê Thu | Lan | 26/04/2000 | 47,0 | 19,0 | 12,0 | 78,0 | 7,8 | Đạt |
| 87 | 1805LHOA039 | Bùi Thị Ngọc | Lan | 20/04/2000 | 44,0 | 16,0 | 10,0 | 70,0 | 7,0 | Đạt |
| 88 | 1805QLNB025 | Hoàng Thị Nhật | Lệ | 09/01/2000 | 35,0 | 16,0 | 8,0 | 59,0 | 5,9 | Đạt |
| 89 | 1805LTHA024 | Nguyễn Thị Cẩm | Lệ | 20/04/2000 | 29,0 | 15,0 | 13,0 | 57,0 | 5,7 | Đạt |
| 90 | 1705QTVA034 | Sầm Thanh | Lịch | 06/12/1998 | 37,0 | 12,0 | 18,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 91 | 1805QTNB041 | Đào Thúy | Liễu | 13/06/2000 | 39,0 | 17,0 | 13,0 | 69,0 | 6,9 | Đạt |
| 92 | 1805CSCA010 | Nguyễn Thị Trang | Linh | 16/11/2000 | 40,0 | 19,0 | 18,0 | 77,0 | 7,7 | Đạt |
| 93 | 1805CSCA008 | Đào Thị Phương | Linh | 28/02/2000 | 45,0 | 16,0 | 18,0 | 79,0 | 7,9 | Đạt |
| 94 | 1805LHOB047 | Vũ Ngọc | Linh | 30/03/2000 | 44,0 | 8,0 | 10,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 95 | 1805QLVB032 | Nguyễn Diệu | Linh | 15/01/2000 | 42,0 | 18,0 | 23,0 | 83,0 | 8,3 | Đạt |
| 96 | 1805QTVB031 | Lê Việt | Linh | 16/10/2000 | 35,0 | 10,0 | 18,0 | 63,0 | 6,3 | Đạt |
| 97 | 1805QTNC042 | Nguyễn Hoài | Linh | 13/02/2000 | 45,0 | 9,0 | 10,0 | 64,0 | 6,4 | Đạt |
| 98 | 1805QTNA041 | Tạ Khánh | Linh | 21/03/2000 | 43,0 | 8,0 | 11,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 99 | 1805QLVA034 | Trần Thị Khánh | Linh | 21/12/2000 | 37,0 | 8,0 | 17,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 100 | 1805QLNB026 | Tô Quang | Linh | 13/09/1998 | 41,0 | 8,0 | 5,0 | 54,0 | 5,4 | Đạt |
| 101 | 1805VTTA015 | Lê Huyền | Linh | 13/11/2000 | 45,0 | 20,0 | 18,0 | 83,0 | 8,3 | Đạt |
| 102 | 1805LHOC043 | Nguyễn Văn | Linh | 24/09/2000 | 43,0 | 4,0 | 5,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 103 | 1805LHOB043 | Nguyễn Ngọc | Linh | 31/10/2000 | 28,0 | 19,0 | 16,0 | 63,0 | 6,3 | Đạt |
| 104 | 1805QTCA005 | Tần Láo | Lỡ | 03/02/2000 | 48,0 | 8,0 | 15,0 | 71,0 | 7,1 | Đạt |
| 105 | 1805LHOC048 | Chảo Láo | Lỡ | 03/10/2000 | 39,0 | 18,0 | 10,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 106 | 2002CSCA012 | Lỗ Thị | Loan | 05/10/1984 | 29,0 | 20,0 | 18,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 107 | 1705LTHB045 | Nguyễn Sỹ Đức | Long | 27/09/1999 | 47,0 | 9,0 | 24,0 | 80,0 | 8,0 | Đạt |
| 108 | 2002LHOA009 | Hoàng Quốc | Long | 02/06/1980 | 35,0 | 9,0 | 14,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 109 | 1805LHOC047 | Nguyễn Vũ Duy | Long | 27/05/2000 | 29,0 | 15,0 | 19,0 | 63,0 | 6,3 | Đạt |
| 110 | 1805CTHA025 | Khoàng Xó | Ly | 15/07/2000 | 32,0 | 20,0 | 10,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 111 | 1805VDLA028 | Hà Thị Thảo | Ly | 20/11/2000 | 45,0 | 8,0 | 13,0 | 66,0 | 6,6 | Đạt |
| 112 | 1805QTNA042 | Hà Hà | Ly | 17/01/2000 | 36,0 | 10,0 | 12,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 113 | 1805QLVB035 | Ngô Ngọc | Mai | 29/08/2000 | 27,0 | 18,0 | 10,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 114 | 1805VTTA018 | Phạm Hoàng | Minh | 04/12/1998 | 32,0 | 16,0 | 12,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 115 | 1805HTTB030 | Đặng Hoài | Nam | 20/01/2000 | 49,0 | 19,0 | 24,0 | 92,0 | 9,2 | Đạt |
| 116 | 1805VDLA036 | Cò Thúy | Nga | 09/10/2000 | 42,0 | 12,0 | 20,0 | 74,0 | 7,4 | Đạt |
| 117 | 1805VDLA040 | Nguyễn Văn | Ngọc | 28/04/1999 | 43,0 | 16,0 | 22,0 | 81,0 | 8,1 | Đạt |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | Điểm kỹ năng | | | Tổng | Thang điểm 10 | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|--------------|------|------|------|---------------|---------|
| | | | | Nghe+Đọc | Viết | Nói | | | |
| 118 | 1805LTHA029 | Nguyễn Thị Minh Ngọc | 07/05/2000 | 29,0 | 14,0 | 12,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 119 | 1805QTNC053 | Nguyễn Văn Ngọc | 17/01/2000 | 35,0 | 10,0 | 18,0 | 63,0 | 6,3 | Đạt |
| 120 | 1705QLVB041 | Trần Văn Ngọc | 06/09/1999 | 39,0 | 10,0 | 18,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 121 | 1805QLVA044 | Đoàn Thị Nhân | 14/02/1999 | 41,0 | 20,0 | 5,0 | 66,0 | 6,6 | Đạt |
| 122 | 1805QLVA045 | Cao Hà Nhi | 22/11/2000 | 37,0 | 9,0 | 13,0 | 59,0 | 5,9 | Đạt |
| 123 | 1805QLVB038 | Nguyễn Trang Nhung | 26/04/2000 | 35,0 | 17,0 | 13,0 | 65,0 | 6,5 | Đạt |
| 124 | 1805LHOC060 | Vũ Hoàng Nhung | 26/01/2000 | 34,0 | 15,0 | 15,0 | 64,0 | 6,4 | Đạt |
| 125 | 1805QTVB043 | Nguyễn Địch Pháp | 12/08/1995 | 32,0 | 6,0 | 20,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 126 | 1805VTTA021 | Nguyễn Thanh Phong | 18/12/2000 | 33,0 | 16,0 | 18,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 127 | 1805QLVA046 | Nguyễn Huy Tuấn Phong | 20/06/2000 | 40,0 | 18,0 | 18,0 | 76,0 | 7,6 | Đạt |
| 128 | 2005XDDA023 | Nguyễn Tuấn Phúc | 22/12/1999 | 26,0 | 9,0 | 23,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 129 | 1705CTHB048 | Đoàn Hoàng Phúc | 21/07/1999 | 41,0 | 16,0 | 24,0 | 81,0 | 8,1 | Đạt |
| 130 | 1805QTVC044 | Nguyễn Thị Bích Phượng | 04/01/2000 | 48,0 | 6,0 | 10,0 | 64,0 | 6,4 | Đạt |
| 131 | 1805QTNA059 | Nông Văn Quân | 02/10/2000 | 38,0 | 18,0 | 15,0 | 71,0 | 7,1 | Đạt |
| 132 | 1805TTVA019 | Đậu Thị Ngọc Quý | 08/08/2000 | 41,0 | 8,0 | 11,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 133 | 1805QLVB042 | Nguyễn Như Quỳnh | 28/09/2000 | 37,0 | 13,0 | 14,0 | 64,0 | 6,4 | Đạt |
| 134 | 1805QLNA034 | Ma Thị Hương Quỳnh | 20/09/2000 | 46,0 | 11,0 | 18,0 | 75,0 | 7,5 | Đạt |
| 135 | 1805QLNA035 | Nguyễn Như Quỳnh | 03/08/2000 | 29,0 | 7,0 | 20,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 136 | 1805QTVA048 | Lương Thị Quỳnh | 27/10/2000 | 33,0 | 7,0 | 18,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 137 | 1705CTHA050 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | 06/02/1999 | 26,0 | 11,0 | 15,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 138 | 1805QTVC047 | Phạm Diễm Quỳnh | 18/10/2000 | 29,0 | 11,0 | 16,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |
| 139 | 1805QLNA036 | Nguyễn Anh Sơn | 12/10/2000 | 43,0 | 13,0 | 17,0 | 73,0 | 7,3 | Đạt |
| 140 | 1805LHOC064 | Chu Cao Sơn | 30/12/2000 | 45,0 | 8,0 | 13,0 | 66,0 | 6,6 | Đạt |
| 141 | 1805QTVC048 | Nguyễn Thị Tám | 29/08/2000 | 27,0 | 20,0 | 18,0 | 65,0 | 6,5 | Đạt |
| 142 | 1805QTVA051 | Dư Thị Thanh Tâm | 11/05/2000 | 42,0 | 7,0 | 16,0 | 65,0 | 6,5 | Đạt |
| 143 | 1805VDLA052 | Lê Thị Thắm | 02/02/2000 | 35,0 | 8,0 | 8,0 | 51,0 | 5,1 | Đạt |
| 144 | 1705LTHA065 | Nguyễn Quang Thắng | 08/12/1999 | 26,0 | 6,0 | 20,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 145 | 1805QTVA054 | Nguyễn Công Thắng | 17/12/1998 | 23,0 | 9,0 | 20,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 146 | 1805VDLA046 | Đào Thị Thanh | 20/04/2000 | 32,0 | 10,0 | 17,0 | 59,0 | 5,9 | Đạt |
| 147 | 1805QTVA053 | Nguyễn Thị Phương Thanh | 07/12/2000 | 41,0 | 4,0 | 17,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 148 | 1805QTVC049 | Nguyễn Thị Thanh | 22/10/2000 | 41,0 | 4,0 | 10,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 149 | 1805LHOB068 | Nguyễn Thế Thanh | 10/11/2000 | 36,0 | 10,0 | 13,0 | 59,0 | 5,9 | Đạt |
| 150 | 2002LHOA013 | Nguyễn Công Thành | 12/10/1979 | 39,0 | 6,0 | 24,0 | 69,0 | 6,9 | Đạt |
| 151 | 1805QTVC051 | Đặng Thị Thu Thảo | 24/11/2000 | 37,0 | 10,0 | 14,0 | 61,0 | 6,1 | Đạt |
| 152 | 1805LTHA037 | Nguyễn Thị Anh Thư | 12/09/2000 | 48,0 | 16,0 | 19,0 | 83,0 | 8,3 | Đạt |
| 153 | 1805VTTA028 | Nguyễn Minh Thư | 20/06/2000 | 28,0 | 8,0 | 16,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 154 | 1805LHOA074 | Nguyễn Thị Thương | 28/05/2000 | 34,0 | 8,0 | 20,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 155 | 1805QLNB044 | Đình Thị Thúy | 14/06/2000 | 32,0 | 19,0 | 22,0 | 73,0 | 7,3 | Đạt |
| 156 | 1805LHOB074 | Phạm Thị Thúy | 26/05/2000 | 44,0 | 5,0 | 15,0 | 64,0 | 6,4 | Đạt |
| 157 | 1805LTHA036 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 03/08/2000 | 35,0 | 5,0 | 10,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 158 | 1805QTNC072 | Nguyễn Đức Tiến | 26/11/2000 | 37,0 | 7,0 | 12,0 | 56,0 | 5,6 | Đạt |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Ngày sinh | Điểm kỹ năng | | | Cộng | Thang điểm 10 | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|------------|--------------|------|------|------|---------------|---------|
| | | | | Nghe+Đọc | Viết | Nói | | | |
| 159 | 1805QLVA056 | Hoàng Thị Thanh Trà | 11/06/2000 | 37,0 | 5,0 | 13,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 160 | 1805QKTA014 | Vũ Hạnh Trâm | 05/04/2000 | 35,0 | 13,0 | 15,0 | 63,0 | 6,3 | Đạt |
| 161 | 1805CTHA041 | Phạm Thị Thu Trang | 09/04/2000 | 26,0 | 17,0 | 15,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 162 | 1805TTVA023 | Nguyễn Huyền Trang | 06/11/2000 | 45,0 | 15,0 | 13,0 | 73,0 | 7,3 | Đạt |
| 163 | 1805QTNA071 | Bùi Thu Trang | 28/09/2000 | 32,0 | 8,0 | 18,0 | 58,0 | 5,8 | Đạt |
| 164 | 1805QTV061 | Trương Thị Trang | 24/11/2000 | 32,0 | 8,0 | 10,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 165 | 1805QTV059 | Nguyễn Thị Trang | 01/01/2000 | 38,0 | 8,0 | 13,0 | 59,0 | 5,9 | Đạt |
| 166 | 1805QLVB054 | Lê Thu Trang | 16/03/2000 | 36,0 | 8,0 | 8,0 | 52,0 | 5,2 | Đạt |
| 167 | 1805QLVA058 | Lý Quỳnh Trang | 23/08/2000 | 43,0 | 15,0 | 18,0 | 76,0 | 7,6 | Đạt |
| 168 | 1805LHOB080 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 18/08/2000 | 41,0 | 16,0 | 10,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 169 | 1805QTNC074 | Nguyễn Hữu Trung | 27/07/2000 | 22,0 | 10,0 | 18,0 | 50,0 | 5,0 | Đạt |
| 170 | 1805CTHA044 | Nguyễn Anh Trung | 04/02/2000 | 39,0 | 8,0 | 13,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 171 | 1705QTV065 | Hà Mạnh Tuấn | 03/08/1998 | 44,0 | 13,0 | 18,0 | 75,0 | 7,5 | Đạt |
| 172 | 1805QTNA074 | Nguyễn Minh Tuấn | 09/09/2000 | 45,0 | 12,0 | 15,0 | 72,0 | 7,2 | Đạt |
| 173 | 1805QLNB047 | Phạm Trung Tuấn | 11/11/1999 | 37,0 | 7,0 | 10,0 | 54,0 | 5,4 | Đạt |
| 174 | 1805QTV064 | Lương Văn Tuyên | 19/10/2000 | 32,0 | 19,0 | 20,0 | 71,0 | 7,1 | Đạt |
| 175 | 1805QLNA045 | Vi Thị Kim Tuyền | 16/11/2000 | 49,0 | 9,0 | 13,0 | 71,0 | 7,1 | Đạt |
| 176 | 1805QKTA016 | Nguyễn Văn Tuyền | 31/01/2000 | 46,0 | 12,0 | 8,0 | 66,0 | 6,6 | Đạt |
| 177 | 1805QTV065 | Tô Anh Phương Uyên | 06/04/2000 | 42,0 | 16,0 | 20,0 | 78,0 | 7,8 | Đạt |
| 178 | 1805HTTB046 | Khúc Bạch Tú Uyên | 06/10/2000 | 39,0 | 6,0 | 15,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 179 | 1805LHOB085 | Bùi Thị Thu Uyên | 10/11/2000 | 49,0 | 19,0 | 13,0 | 81,0 | 8,1 | Đạt |
| 180 | 1705QLVA068 | Nguyễn Thu Vân | 05/09/1999 | 25,0 | 13,0 | 13,0 | 51,0 | 5,1 | Đạt |
| 181 | 1805QTNB081 | Nguyễn Thị Vân | 19/11/2000 | 43,0 | 18,0 | 20,0 | 81,0 | 8,1 | Đạt |
| 182 | 1805QTNC078 | Nguyễn Thùy Vân | 01/09/2000 | 30,0 | 12,0 | 18,0 | 60,0 | 6,0 | Đạt |
| 183 | 1805QTVB064 | Đào Văn Vĩ | 08/10/2000 | 39,0 | 6,0 | 10,0 | 55,0 | 5,5 | Đạt |
| 184 | 1805QTNA079 | Nguyễn Danh Vũ | 14/09/2000 | 40,0 | 9,0 | 18,0 | 67,0 | 6,7 | Đạt |
| 185 | 1805LHOA087 | Nguyễn Long Vũ | 13/02/2000 | 38,0 | 11,0 | 13,0 | 62,0 | 6,2 | Đạt |
| 186 | 1705QLVB064 | Nguyễn Thị Xuân | 26/03/1999 | 46,0 | 8,0 | 16,0 | 70,0 | 7,0 | Đạt |
| 187 | 1805VDLA064 | Nghiêm Thị Như Ý | 30/05/2000 | 46,0 | 16,0 | 17,0 | 79,0 | 7,9 | Đạt |
| | | | | | | | | | |

Danh sách này có: 187 học viên, sinh viên đạt chuẩn đầu ra